

Số: 49 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 19 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Mido - Vina";

Xét đề nghị của Công ty TNHH Quốc tế Mido - Vina tại Văn bản số 28/TT-MDVN ngày 19/8/2022 về việc trình lại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy may xuất khẩu Mido - Vina;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 454/TTr-STNMT ngày 13 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Quốc tế Mido - Vina, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy may xuất khẩu Mido - Vina" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu Mido - Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001118486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 24/7/2017, thay đổi lần thứ 3 ngày 17/4/2019. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3233717658 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp chứng nhận lần đầu ngày 21/7/2017; điều chỉnh lần thứ nhất ngày 05/4/2019.

1.4. Mã số thuế: 1001118486.



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Tổng diện tích của cơ sở khoảng 24.340,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 900386 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/6/2019.

- Công suất thiết kế của cơ sở: 2.600.000 sản phẩm/năm các sản phẩm may mặc.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Quốc tế Mido - Vina:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định

tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *sn*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Công ty TNHH Quốc tế Mido - Vina;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT. *sn*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép xả nước thải số 49/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

01 nguồn phát sinh nước thải, gồm: nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, khu vực văn phòng và khu nhà ăn ca của công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng tương ứng với 01 nguồn phát sinh nước thải.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của Cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước của Cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2267047; Y = 608648 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm tương đương $2,08 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{\max} (áp dụng với hệ số $K_q = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	—	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	

5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, nhà văn phòng và nhà bảo vệ được thu gom xử lý sơ bộ bằng 07 bể tự hoại 03 ngăn (03 bể đặt tại khu vực nhà xưởng dung tích 19,575 m³/bể; 03 bể đặt tại khu vực văn phòng dung tích 7,5 m³/bể; 01 bể đặt tại khu vực nhà bảo vệ dung tích 4,5 m³/bể); nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn công nhân được thu gom xử lý sơ bộ qua song chắn rác, qua bể tách dầu mỡ 04 ngăn dung tích 9,11 m³.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của cơ sở, công suất 50 m³/ ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max}, hệ số K = 1,0.

1.2. Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Hệ thống thoát nước của Cụm công nghiệp Mỹ Xuyên).

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

1.4.2. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải của cơ sở gặp sự cố, Công ty sẽ triển khai ngay các biện pháp ứng phó như: Dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đóng van xả nước thải từ hệ thống xử lý ra ống thoát nước thải, nước thải được lưu chứa vào bể kiểm chứng 66 m³; nhân viên kỹ thuật tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể kiểm chứng được bơm ngược lại bể gom để xử lý lại nước thải; đồng thời tiến hành lấy mẫu kiểm chứng nước thải đầu vào và đầu ra để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải. Nếu nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT mới được xả thải ra ngoài môi trường.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập cho khu vực xung quanh cơ sở.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn phát sinh khí thải từ 01 lò hơi của cơ sở.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- 01 dòng khí thải tương ứng với 01 nguồn phát sinh khí thải.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2266870,607; Y = 608647,667 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3⁰).

- Vị trí xả khí thải tại cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 144.000 m³/ngày đêm tương đương 6.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, giá trị C_{max} (áp dụng K_p = 1,0; K_v = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/m ³	200	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	CO	mg/m ³	1.000	
3	SO ₂	mg/m ³	500	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/m ³	850	
5	Lưu lượng	m ³ /h	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom vào hệ thống xử lý bụi, khí thải lắp đặt đồng bộ cùng với lò hơi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải → Ống dẫn bằng sứ → Thiết bị lọc bụi cyclone kết hợp lọc bụi tay áo → Quạt hút → Ống khói → Môi trường.

- Công suất thiết kế:

Hệ thống xử lý bụi, khí thải có công suất 6.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị xử lý khí thải.

- Xây dựng đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời; dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng công đoạn sản xuất có sử dụng hơi cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

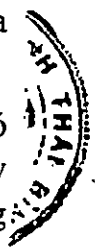
2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty TNHH Quốc tế Mido - Vina chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022
do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ khu vực nhà xưởng sản xuất chính của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Nhà xưởng sản xuất, tọa độ: phía Đông Bắc nhà xưởng tọa độ: X = 2266973,52; Y = 608673,822; phía Đông Nam nhà xưởng tọa độ: X = 2266824,588; Y = 608584,426; phía Tây Nam nhà xưởng tọa độ: X = 2266850,925; Y = 608530,008; phía Tây Bắc nhà xưởng tọa độ: X = 2266999,848; Y = 608618,153.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt một số thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022
của Ủy Ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	18 02 01	264,00
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	29,55
3	Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	80,77
4	Nước thải nhiễm dầu	17 05 05	27,58
TỔNG KHỐI LƯỢNG			401,90

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Vải chính	25.458,42
2	Vải lót	5.480,719
3	Chi may	3.136,817
4	Nhãn mác	378,2773
5	Hộp cotton	3.872,614
6	Khóa các loại (chiếc)	1.106,461
7	Chi tiết máy móc thiết bị hỏng	1.137,196
8	Sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu	464,7137

9	Bã thải, bùn thải	4.090,124
10	Tro bụi	1.754,261
	Tổng	46.879,59

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	80.761
TỔNG KHỐI LƯỢNG		80.761

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy có nắp đậy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 16,9 m² đặt tại khu lưu giữ chất thải rắn của Nhà máy,

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền bê tông, mái che; trong kho bố trí các thùng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại; bố trí thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 35,1 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có nền bê tông, mái che, thoát nước tốt, gờ chống tràn và có biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Sử dụng thùng đựng rác có nắp đậy đặt tại các khu vực (nhà văn phòng, nhà ăn ca, khu nhà vệ sinh) cuối ngày nhân viên vệ sinh thu gom về vị trí tập kết, hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với Tổ thu gom rác thải sinh hoạt của xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy; tần suất thu gom 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Mido - Vina”.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Thực hiện quan trắc định kỳ và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.
4. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.

THAI